

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH QUẢNG NINH

--- * ---

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2020

“V/V Tranh chấp hôn nhân gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C- TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Mạnh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Chương

2. Ông Phạm Huy Hoàng

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C- Tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Viện- *Chức vụ:* Kiểm sát viên.

-Ngày 6/6/2020 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2020 về việc “***Tranh chấp hôn nhân và gia đình***”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 05/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2020 giữa:

-**Nguyên đơn:** Bà **Vũ Thị A** sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt.

-**Bị đơn:** Ông **Vũ Văn B** sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu D, phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh

-Vắng mặt- (Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị Vũ Thị A trình bày:

-Bà Vũ Thị A và ông Vũ Văn B tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 1985 hai người có đăng ký kết hôn lại tại UBND phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B chơi bời, rượu chè không quan tâm đến gia đình, vợ con, thường xuyên đập xúc phạm bà A, nhưng vì gia đình, con cái còn nhỏ nên bà A cố chịu đựng để nuôi dạy con cái.

Trầm trọng nhất khoảng cuối năm 2019, ông B đánh đập bà A, lột quần áo đuổi bà A cùng con cái ra khỏi nhà, mặc dù được chính quyền và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Do đó, bà A thấy không còn tình cảm với ông B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B.

-Về con chung: Bà A xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 04 (Bốn) con chung là Vũ Thị G, sinh năm 1985; Vũ Thị K, sinh năm 1987; Vũ Thị L, sinh năm 1990 và Vũ Văn M, sinh năm 1993. Quan điểm của bà A hiện các con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung: Bà A xác nhận bà và ông B tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn ông Vũ Văn B vắng mặt nên không có quan điểm thể hiện mặc dù đã nhận được thủ tục khởi kiện và các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của bà A gửi trước khi khởi kiện:

-Quá trình Tòa án giải quyết đã tổng đạt thông báo thụ lý cũng như giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho gia đình và chính quyền địa phương nơi ông B sinh sống đều thể hiện quá trình tìm hiểu và kết hôn của bà A, ông B hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Hai người kết hôn vào năm 1985 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thị xã C.

- Tại các biên bản xác minh ngày 23/4/2020 bà Vũ Thị H- Trưởng khu D, phường E, thị xã C cho biết: Ông Vũ Văn B và bà Vũ Thị A kết hôn với năm 1985, hai người có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thị xã C. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống không được hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ nhau có lúc còn xảy ra xô sát, mặc dù đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại hai người đã ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Vì vậy bà A có đơn xin ly hôn ông B địa phương cũng đã nắm được tình hình và cũng đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập cho ông B nhưng ông B không chấp hành. Do đó, đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết cho họ được ly hôn.

-Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C có quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì vụ án được thụ lý, giải quyết đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc triệu tập người tham gia tố tụng đảm bảo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo và có căn cứ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ thủ tục đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thị A. Xử cho bà Vũ Thị A được ly hôn ông Vũ Văn B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về Tố Tụng:** Ngày 11/02/2020, người khởi kiện là bà Vũ Thị A nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Tòa án tiến hành thụ lý vụ án bảo đảm đúng quy định tại Điều 195 và 197 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện ngày 10/02/2020, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại Điều 28 Điều 35 -Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]**Về tình cảm:** Bà Vũ Thị A và ông Vũ Văn B tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, hai người có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh vào năm 1985. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm đầu thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Trầm trọng nhất vào năm 2019, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng và do ông B chơi bời, rượu chè về đánh đập xúc phạm đến gia đình vợ con, mặc dù bà A và hai bên gia đình nội ngoại cũng như chính quyền địa phương nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Vì thế mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chính vì thế hai vợ chồng hiện đã ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Do đó, bà A thấy không còn tình cảm với ông B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B là hoàn toàn có cơ sở.

-Đối với ông B không có mặt tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình nhưng trong quá trình Tòa án làm việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương nơi ông B và bà A chung sống đều thể hiện hai người kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống không hạnh phúc nguyên nhân chủ yếu do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ nhau, hiện tại hai người đã ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai nữa, mặc dù được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả.

Do đó, xét thấy nguyện vọng xin ly hôn của bà Vũ Thị A là hoàn toàn chính đáng phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 56- Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị A.

[3].**Về con chung:** Trong quá trình chung sống hai người sinh được 04 con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]**Về tài sản chung và công nợ chung:** Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]**Về án phí:** Án phí ly hôn bà Vũ Thị A phải nộp theo quy định của pháp luật.

-**Vì các lẽ trên:**

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Điều 56- Luật Hôn nhân gia đình.

-Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thị A.

Xử: Bà Vũ Thị A được ly hôn ông Vũ Văn B.

2.Về án phí: Bà Vũ Thị A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001725 ngày 24/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Bà A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKS Tx C.
- T.H.A DS
- Các đương sự.
- phường E, Tx C
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên

Nguyễn Chí Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Thông Lưu Đình Lý

Nguyễn Chí Mạnh

